VOCABULARY UNIT 6

weak	yếu
thin	gầy, ốm
quiet	yên lặng, yên tĩnh
thirsty	khát nước
hot	nóng
strong	khỏe mạnh, mạnh mẽ
fat	béo, mập
hungry	đói
loud	ồn ào, to tiếng
cold	lạnh, rét
tired	mệt mỏi
bad	xấu, tệ
long	dài
short	ngắn

LIVEWORKSHEETS

GRAMMAR

Structure	Shall I (help you) + hành động?
Meaning	Để tôi giúp bạn làm gì đó nhé
Example	Shall I help you put the blanket on the grass? → Để tôi giúp bạn trải thảm ra bãi cỏ nhé

LIVEWORKSHEETS

1. Listen and write your answer

1.1 

1.2 

1.3 

1.4 

1.5 

1.6 

LIVEWORKSHEETS

2. Fill in the antonym

2.1 Strong >< .....

2.2 Fat >< .....

2.3 Long >< .....

2.4 Hot >< .....

2.5 Quiet >< .....

LIVEWORKSHEETS